7.3 Chương trình đào tạo

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

KHỐI/NHÓM NGÀNH: KINH TẾ HỌC

Tên chương trình: Quản lý kinh tế định hướng nghiên cứu (Research-oriented Economics Management)

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Mã ngành: 8.31.01.10

Chuyên ngành: Quản lý kinh tế (Economics Management)

Loại hình đào tạo: Chính quy

TP. Hồ Chí Minh, năm 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 3222 /QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 02 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình: Quản lý kinh tế định hướng nghiên cứu (Research-oriented Economics Management)

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Quản lý kinh tế (Economics Management)

Loại hình đào tạo: Chính quy

Mã ngành đào tạo: 8.31.01.10

1. Thông tin chung

1.1 Mục tiêu đào tạo

1.1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực quản lý kinh tế với kiến thức rộng, có khả năng hoạch định chính sách, định hướng chiến lược kinh doanh, và quản lý kinh tế trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

Đào tạo người học có năng lực tự nghiên cứu và tổ chức nghiên cứu, có khả năng tiếp tục nghiên cứu ở bậc tiến sĩ Kinh tế, có thể đảm nhiệm công tác tại các trường đại học và viện nghiên cứu, có khả năng tham gia các dự án chuyên ngành; có khả năng tiếp cận một cách khoa học đối với các vấn đề mới của chuyên ngành; có năng lực giao tiếp về chuyên môn bằng tiếng Anh.

1.1.2 Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo **Quản lý kinh tế định hướng nghiên cứu** sẽ trang bị cho người học

PO1. Kiến thức về các môn học cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành trong lĩnh vực quản lý kinh tế

PO2. Kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, viết báo cáo; kỹ năng phân tích, kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo để làm việc, học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

PO3. Thái độ tôn trọng pháp luật, lối sống tích cực và tinh thần hướng về cộng đồng; trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp, và khả năng học tập nâng cao trình độ suốt đời.

1.2 Chuẩn đầu ra

Trên cơ sở yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng và thái độ người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp, chương trình **Thạc sĩ Quản lý kinh tế định hướng nghiên cứu** cụ thể hóa thành các chuẩn đầu ra cấp CTĐT (*Programme Learning Outcomes* – gọi tắt là "PLOs") như sau:

Kiến thức (Knowledge)

Kiến thức chung (General knowledge)

PLO 1: Vận dụng các nguyên lý cơ bản về quản lý kinh tế, hệ thống kiến thức sâu, rộng và cập nhật về lĩnh vực quản lý kinh tế trong bối cảnh hội nhập

Kiến thức nghề nghiệp (Professional knowledge)

PLO 2: Phân tích, nhận định và đánh giá dữ liệu phục vụ cho công tác ra quyết định trong quản lý

PLO 3: Sử dụng các mô hình kinh tế, các nguyên lý kinh tế và số liệu kinh tế để giải quyết các vấn đề trong thực tế quản lý, xây dựng và thực thi chiến lược, chính sách

Kỹ năng (Skill)

Kỹ năng chung (Generic skills)

PLO 4: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; giao tiếp, thuyết trình và viết báo cáo một cách hiệu quả

Kỹ năng nghề nghiệp (Professional skills)

PLO 5: Có khả năng quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế và quản trị; hoạch định chính sách, định hướng chiến lược kinh doanh

Thái độ (Attitude)

Ý thức (Awareness)

PLO 6: Tôn trọng pháp luật, tôn trọng đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật và tinh thần hướng về cộng đồng

Hành vi (Attitudes)

PLO 7: Có khả năng tự nghiên cứu, xác định và đề xuất các vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế-xã hội, học tập và tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu ở bậc học tiếp theo

1.3 Ma trận chương trình đào tạo – chuẩn đầu ra

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	PLOs (expected learning outcomes)/mức độ cống hiến						
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
1	PHIL800	Triết học (Philosophy)	H	S	N	S	N	H	S
1	REME801	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong kinh tế và quản trị (Research methodology in economics and management)	S	H	H	H	S	S	H
1	AECO811	Kinh tế vi mô nâng cao (Advanced microeconomics)	H	S	H	H	S	S	S
1	ECOM812	Khoa học quản lý (Management science)	H	H	S	H	H	S	S
1	ECOM813	Phương pháp phân tích định lượng (Quantitative method in economics and management)	S	H	H	S	H	S	S
1	ECOM814	Kinh tế công (Public economics)	H	S	H	H	S	S	S
1	ECOM815	Quản lý nhà nước trong kinh tế (Public management in economics)	H	H	H	S	S	S	S
2	ECOM816	Dự án đầu tư công (Public investment project)	H	H	H	S	S	S	S
2	ECOM817	Tâm lý học quản lý (Managerial psychology)	H	H	S	H	H	S	S
2	ECOM820	Kinh tế học quản lý (Managerial economics)	H	S	H	H	S	S	S
2	ECOM821	Tài chính công (Public finance)	H	H	H	S	S	S	S
2	ECOM822	Luật kinh tế (Economic law)	H	S	S	S	H	H	S
2	ECOM823	Kinh tế quốc tế (International economics)	H	H	H	S	S	S	S
2	ECOM824	Kinh tế phát triển (Development economics)	H	S	H	H	S	S	S
2	ECOM825	Kinh tế học phúc lợi (Welfare economics)	H	H	H	S	S	S	S
2	AECO812	Kinh tế vĩ mô nâng cao	H	H	H	S	S	S	S

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	PLOs (expected learning outcomes)/mức độ cống hiến						
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
		(Advanced macroeconomics)							
2	AECO816	Chính sách nông nghiệp (Agricultural policy)	H	S	H	S	H	S	S
2	AECO817	Kinh tế tài nguyên và môi trường (Environmental and natural resource economics)	H	H	H	S	H	S	S
2	AECO820	Phát triển nông thôn bền vững (Sustainable rural development)	H	S	H	S	H	S	S
2	AECO825	Quản lý chuỗi cung ứng nông sản (Agricultural product supply chain management)	H	H	H	S	S	S	S
2	THES896	Seminar chuyên ngành 1 (Bảo vệ đề cương) (Proposal defense)	H	H	S	H	S	S	S
3	THES897	Seminar chuyên ngành 2 (Báo cáo kết quả cơ sở) (Internal thesis defense)	H	H	S	H	S	S	S
3	THES899	Luận văn tốt nghiệp (Thesis)	H	H	H	S	H	S	H

1.4 Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp, người học có khả năng đảm nhiệm công việc giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học và viện nghiên cứu, có thể triển khai và tham gia các dự án nghiên cứu chuyên ngành, có thể làm công tác quản lý trong cơ quan hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

2. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo tiêu chuẩn: 1,5 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá (*tính bằng tín chỉ*):

Phân bổ khối lượng các khối kiến thức

Tên	Số tín chỉ		
	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
Khối kiến thức cơ bản	5	5	0

Khối kiến thức cơ sở ngành	12	12	0
Khối kiến thức chuyên ngành	43	25	18
Tổng cộng	60	42	18

4. Đối tượng tuyển sinh (Chuẩn đầu vào)

Học viên đã tốt nghiệp đại học tất cả các ngành. Học viên tham dự xét tuyển hoặc thi tuyển. Học viên tốt nghiệp đại học các ngành gần hoặc ngành khác phải học bổ sung kiến thức theo yêu cầu (Mẫu 8).

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp được thực hiện theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành "Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ" và Quyết định số 2812/QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 15/10/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh về việc ban hành "Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ".

6. Thang điểm

Thang điểm đánh giá là thang 10. Điểm đạt tối thiểu là 5,5/10.

7. Nội dung chương trình

STT	Mã MH	Tên Môn học	TC	LT	TH	TT	ĐA	LA	Năm	HK	Học trước (mã MH)	Tiên quyết (mã MH)	Song hành (mã MH)
7.1 Khối kiến thức cơ bản													
Nhóm học phần bắt buộc													
1	PHIL800	Triết học (Philosophy)	3	3	0	0	0	0	1	1			
2	REME801	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong kinh tế và quản trị (Research methodology in economics and management)	2	1	1	0	0	0	1	1			
Cộng nhóm:			**5**	**4**	**1**	**0**	**0**	**0**					
7.2 Khối kiến thức cơ sở ngành													
Nhóm học phần bắt buộc													
1	AECO811	Kinh tế vi mô nâng cao (Advanced microeconomics)	3	3	0	0	0	0	1	1			
2	ECOM812	Khoa học quản lý (Management science)	3	3	0	0	0	0	1	1			
3	ECOM813	Phương pháp phân tích định lượng (Quantitative method in economics and management)	3	2	1	0	0	0	1	1			
4	ECOM814	Kinh tế công (Public economics)	3	3	0	0	0	0	1	1			
Cộng nhóm:			**12**	**11**	**1**	**0**	**0**	**0**					
7.3 Khối kiến thức chuyên ngành													

7.3.1 Nhóm học phần bắt buộc:													
1	ECOM815	Quản lý nhà nước trong kinh tế (Public management in economics)	3	3	0	0	0	0	1	1			
2	ECOM816	Dự án đầu tư công (Public investment project)	3	3	0	0	0	0	1	2			
Cộng nhóm:			**6**	**6**	**0**	**0**	**0**	**0**					
7.3.2 Nhóm học phần tự chọn - phải đạt 18 TC													
1	ECOM817	Tâm lý học quản lý (Managerial psychology)	3	3	0	0	0	0	1	2			
2	ECOM820	Kinh tế học quản lý (Managerial economics)	3	3	0	0	0	0	1	2			
3	ECOM821	Tài chính công (Public finance)	3	3	0	0	0	0	1	2			
4	ECOM822	Luật kinh tế (Economic law)	3	3	0	0	0	0	1	2			
5	ECOM823	Kinh tế quốc tế (International economics)	3	3	0	0	0	0	1	2			
6	ECOM824	Kinh tế phát triển (Development economics)	3	3	0	0	0	0	1	2			
7	ECOM825	Kinh tế học phúc lợi (Welfare economics)	3	3	0	0	0	0	1	2			
8	AECO812	Kinh tế vĩ mô nâng cao (Advanced macroeconomics)	3	3	0	0	0	0	1	2			
9	AECO816	Chính sách nông nghiệp (Agricultural policy)	3	3	0	0	0	0	1	2			
10	AECO817	Kinh tế tài nguyên và môi trường (Environmental and natural resource economics)	3	3	0	0	0	0	1	2			
11	AECO820	Phát triển nông thôn bền vững (Sustainable rural development)	3	3	0	0	0	0	1	2			
12	AECO825	Quản lý chuỗi cung ứng nông sản (Agricultural product supply chain management)	3	3	0	0	0	0	1	2			
Cộng nhóm:			**36**	**36**	**0**	**0**	**0**	**0**					

7.3.3 Nhóm học phần tốt nghiệp - phải đạt 19 TC													
1	THES896	Seminar chuyên ngành 1 (Bảo vệ đề cương) (Proposal defense)	2	0	0	0	0	2	1	2			
2	THES897	Seminar chuyên ngành 2 (Báo cáo kết quả cơ sở) (Internal thesis defense)	2	0	0	0	0	2	2	1			
3	THES899	Luận văn tốt nghiệp (Thesis)	15	0	0	0	0	15	2	1			
Cộng nhóm:			**19**	**0**	**0**	**0**	**0**	**19**					

Tổng số tín chỉ phải đạt: **60** tín chỉ; trong đó tổng tín chỉ bắt buộc: **42** và tổng tín chỉ các nhóm tự chọn: **18**

8. Kế hoạch giảng dạy

Dự kiến kế hoạch giảng dạy (Phân bổ các học phần theo từng học kỳ)

Học kỳ	Mã HP	Tên HP	Tín chỉ			
			Tổng cộng	Lý thuyết	TH/TT/ĐA	Khác
HK1 (20 tín chỉ)	PHIL800	Triết học (Philosophy)	3	3	0	0
	REME801	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong kinh tế và quản trị (Research methodology in economics and management)	2	1	1	0
	AECO811	Kinh tế vi mô nâng cao (Advanced microeconomics)	3	0	0	0
	ECOM812	Khoa học quản lý (Management science)	3	0	0	0
	ECOM813	Phương pháp phân tích định lượng (Quantitative method in economics and management)	3	2	1	0
	ECOM814	Kinh tế công (Public economics)	3	0	0	0
	ECOM815	Quản lý nhà nước trong kinh tế (Public management in economics)	3	0	0	0
HK2 (23 tín chỉ)	ECOM816	Dự án đầu tư công (Public investment project)	3	0	0	0
	ECOM817	Tâm lý học quản lý (Managerial psychology)	3	0	0	0
	ECOM820	Kinh tế học quản lý (Managerial economics)	3	0	0	0
	ECOM821	Tài chính công (Public finance)	3	0	0	0
	ECOM822	Luật kinh tế (Economic law)	3	0	0	0
	ECOM823	Kinh tế quốc tế (International economics)	3	0	0	0
	ECOM824	Kinh tế phát triển (Development economics)	3	0	0	0
	ECOM825	Kinh tế học phúc lợi (Welfare economics)	3	0	0	0
	AECO812	Kinh tế vĩ mô nâng cao (Advanced macroeconomics)	3	0	0	0
	AECO816	Chính sách nông nghiệp (Agricultural policy)	3	0	0	0

	AECO817	Kinh tế tài nguyên và môi trường (Environmental and natural resource economics)	3	0	0	0
	AECO820	Phát triển nông thôn bền vững (Sustainable rural development)	3	0	0	0
	AECO825	Quản lý chuỗi cung ứng nông sản (Agricultural product supply chain management)	3	0	0	0
	THES896	Seminar chuyên ngành 1 (Bảo vệ đề cương) (Proposal defense)	2	0	2	0
HK3 (17 tín chỉ)	THES897	Seminar chuyên ngành 2 (Báo cáo kết quả cơ sở) (Internal thesis defense)	2	0	2	0
	THES899	Luận văn tốt nghiệp (Thesis)	15	0	15	0

Phân phối từng học kỳ

HK1	HK2	HK3	TS tín chỉ
20	23	17	60/60

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng học phần

9.1 Các học phần đại cương

1. Triết học (Philosophy)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện học: tiên quyết/học trước/song hành: ☐có ☑không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Triết học trang bị cho học viên các kiến thức cơ bản về triết học và lịch sử triết học; về triết học Mác - Lênin; mối quan hệ giữa triết học với các khoa học, vai trò của khoa học và công nghệ đối với sự phát triển của xã hội. Trên cơ sở đó, học viên có thể vận dụng kiến thức đã học để giải quyết có hiệu quả những vấn đề đang đặt ra trong nhận thức và thực tiễn; hình thành ý thức tự giác, tự chủ và sáng tạo trong suy nghĩ và trong hành động.

The Philosophy module equips students with basic knowledge of philosophy and history of philosophy; about Marxist-Leninist philosophy; the relationship between philosophy

and the sciences, the role of science and technology in the development of society. Based on this, students can apply the knowledge they have learned to effectively solve current problems in awareness and practice; Form self-awareness, autonomy and creativity in thought and action.

2. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong kinh tế và quản trị (Research methodology in economics and management)

Số tín chỉ: 2

Điều kiện học: tiên quyết/học trước/song hành: ☐có ☑không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học bao gồm 2 hợp phần lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết sẽ trình bày các vấn đề chung về phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học và một số lý thuyết thường được vận dụng trong nghiên cứu kinh tế và quản trị. Phần thực hành sẽ trình bày và hướng dẫn học viên cách viết đề cương nghiên cứu và luận văn thạc sỹ.

This course includes two parts: theory and practice. The part of theory presents the general issues of research methodology and theories commonly applied in research in economics and management. The part of practice provides students with methods to write research proposals and to conduct MSc theses.

9.2 Các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành

1. Kinh tế vi mô nâng cao (Advanced microeconomics)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện học: tiên quyết/học trước/song hành: ☐có ☑không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho học viên kiến thức về cung, cầu, giá cả, lợi nhuận trong các điều kiện thị trường khác nhau, cấu trúc thị trường và các nguyên tắc định giá trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn, thị trường cạnh tranh độc quyền, thị trường độc quyền bán và độc quyền mua, và thị trường độc quyền nhóm.

The course provides learners with knowledge of supply, demand, price, profit in different market conditions, market structures and pricing principles in competitive market, monopolistic competition, monopoly, monopsony, and oligopoly.

2. Khoa học quản lý (Management science)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện học: tiên quyết/học trước/song hành: ☐có ☑không

Tóm tắt nội dung học phần:

Trang bị cho người học hệ thống tri thức liên quan tới bản chất của quản lý; các phẩm chất, năng lực cần có của người quản lý; các nguyên tắc và phương pháp quản lý cơ bản; phong cách quản lý và nghệ thuật quản lý; các quan điểm tiếp cận mới đối với các chức năng quản lý: Lập kế hoạch và ra quyết định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra; thông tin trong quản lý, trang bị kiến thức về kỹ năng quản lý, về nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn quản lý.

3. Phương pháp phân tích định lượng (Quantitative method in economics and management)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện học: tiên quyết/học trước/song hành: ☐có ☑không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học tập trung vào việc xây dựng mô hình định lượng biểu diễn mối quan hệ giữa các đại lượng nghiên cứu, sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phân tích nhân tố, hồi quy tuyến tính, và hệ phương trình cấu trúc (Structural Equation Modeling-SEM). Cụ thể, nội dung bao gồm xử lý dữ liệu, ước lượng mô hình, kiểm định và khắc phục các vi phạm giả thiết, kiểm định ý nghĩa thống kê các biến và độ thích hợp của mô hình, vận dụng xây dựng và đánh giá các mô hình định lượng, dự báo và gợi ý chính sách.

The course focuses on developing a quantitative model for economic management using statistical methods such as descriptive statistics, factor analysis, linear regression and Structural equation modeling (SEM). Specifically, the contents of the courses will consist of data processing, model estimating, result evaluations and hypothesis testing. Interpreting results, forecasting and policy implication.

4. Kinh tế công (Public economics)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện học: tiên quyết/học trước/song hành: ☐có ☑không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học trang bị cho học viên những kiến thức nền tảng về các kiến thức về vai trò của khu vực công trong nền kinh tế thị trường, đặc biệt chú trọng vào các thất bại thị trường bao gồm ngoại ứng, hàng hoá công cộng, thông tin bất cân xứng, các tổn thất mà các thất bại thị trường này gây ra cho thị trường và xã hội, và các giải pháp của Chính phủ đối với từng trường hợp. Môn học cũng tập trung xem xét một số khía cạnh khác của

khu vực công: Các chương trình chi tiêu của chính phủ, sự lựa chọn của khu vực công và sự phân cấp giữa các cấp chính quyền.

The course provides learners with basic knowledge of the role of the public sector in the market economy, with special emphasis on market failures including externalities, public goods, asymmetric information, the damage these market failures cause to markets and society, and the Government's solutions to each case. The course also focuses on several other aspects of the public sector: government spending programmes, public sector choices, and government decentralization.

5. Quản lý nhà nước trong kinh tế (Public management in economics)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện học: tiên quyết/học trước/song hành: ☐có ☑không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học *"Quản lý nhà nước về Kinh Tế"* được thiết kế để giảng dạy bậc cao học chuyên ngành Quản lý Kinh tế nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức và phương pháp phân tích vai trò của nhà nước trong định chế kinh tế thị trường, đặc biệt là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam. Nhấn mạnh đến các công cụ mà chính quyền sử dụng để can thiệp vào các chính sách tài chính và tiền tệ khi thị trường thất bại: hàng hóa và dịch vụ công, các chính sách thuế, phúc lợi, lương, trợ giá, đầu tư của nước ngoài, ngoại thương và hối đoái, tiền tệ, tài chính, lao động, môi trường. Quan trọng hơn, môn học giúp cho học viên nâng cao kỹ năng thiết lập các mô hình quản lý tài chính công trên phần mềm excel và ứng dụng các mô hình này trong thực tiễn công việc của mình. Ngoài ra học viên cũng sẽ được nâng cao khả năng tổng hợp và phân tích một vấn đề quản lý nhà nước về tài chính và tiền tệ cụ thể sau khi học xong môn học này.

Subject "Economic Management in Government" designed to instruct postgraduate students specialized in Economic Management major in order to provide knowledge and methods analysing roles of the government in market institutions, especially in Vietnam's market economic system oriented socialism. Focused on measures which the government used to intervene financial monetary policy when the market failure: public goods and services, taxation, wealth fare, wages, subsidize, foreign investment, foreign trade, exchange rate, monetary, finance, labour resources, environment. Moreover the subject helps students to enhance skills in building financial management models on

excel application and practice in their jobs. Besides students will be enhanced synthetic and analysis ability to a certain problem in governmental management in finance and monetary after study the subject.

6. Dự án đầu tư công (Public investment project)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện học: tiên quyết/học trước/song hành: ☐có ☑không

Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung chính của môn học gồm phần (i) lý thuyết về mục tiêu và đặc điểm của dự án đầu tư công, (ii) tiến trình xây dựng dự án, và (iii) phân tích hiệu quả của dự án.

Phần lý thuyết được kết hợp với phân tích các tình huống thực tế và các bài tập thực hành.

Phân tích kinh tế được tiến hành đầu và cuối của vòng đời dự án, kết hợp giữa các chỉ tiêu Net Present Value hay Suất Nội Hoàn với các tiêu chí kinh tế xã hội khác để đạt kết quả phù hợp tính chất dự án đầu tư công.

Main contents of the course include (i) theory of public investment,(ii) process of investment, and (iii) economic analysis of projects.

Theory part is linked to implementation through practical case studies and exercise.

Economic analysis is used early in as well as at the end of the project cycle, in combination between single summary measure such as Net Present Value or Economic Rate of Return, in order to meet the nature of public investment.

7. Tâm lý học quản lý (Managerial psychology)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện học: tiên quyết/học trước/song hành: ☐có ☑không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này trang bị cho học viên là nhà quản lý tương lai các tri thức về các khái niệm trong tâm lý học quản lý. Cụ thể là khái niệm, đặc điểm, quy luật của các hiện tượng tâm lý cá nhân; khái niệm, đặc điểm các hiện tượng tâm lý nhóm và tập thể; các hiện tượng tâm lý trong hoạt động quản lý, các bản chất và đặc trưng, các quy luật tâm lý, các kỹ năng quản lý của hoạt động quản lý, về đặc điểm, chức năng, vai trò, nhân cách người lãnh đạo, quản lý, về giao tiếp và các hiện tượng tâm lý, tâm lý xã hội của cá nhân và các nhóm xã hội với tư cách là khách thể của hoạt động quản lý. Ngoài ra môn học còn cung cấp cho người học các loại kỹ năng cần thiết trong quản lý, lãnh đạo Sau khi học xong học phần này, sinh viên giải thích được các khái niệm, đặc điểm, quy luật của các hiện tượng tâm lý từ đó áp dụng các kiến thức lý thuyết để giải quyết tốt

các tình huống trong thực tiễn quản lý lãnh đạo; làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tổ chức trong lĩnh vực tâm lý học quản lý.

8. Kinh tế học quản lý (Managerial economics)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện học: tiên quyết/học trước/song hành: ☐có ☑không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này bao gồm ứng dụng thực tiễn của các công cụ kinh tế như phân tích hiện giá, cung cầu, hồi quy, đường đẳng dụng, đường đẳng lượng, chi phí sản xuất, và các mô hình cơ bản trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, và cạnh tranh độc quyền. Môn học này còn thảo luận nhiều chủ đề hiện tại như độc quyền nhóm, trò chơi lặp lại và nhiều giai đoạn, hợp độc, sát nhập theo chiều dọc và chiều ngang, thương lượng, các vấn đề giữa ông chủ-người quản lý, chi phí của đối thủ cạnh tranh, lựa chọn ngược, và các chiến lược giá của các hãng có quyền lực thị trường.

This course covers the practical utility of basic economic tools such as present value analysis, supply and demand, regression, indifference curves, isoquants, production, costs, and the basic models of perfect competition, monopoly, and monopolistic competition. These courses also contain many modern topics such as oligopoly, multi-stage and repeated games, contracting, vertical and horizontal integration, bargaining, principal–agent problems, raising rivals' costs, adverse selection, and a host of other pricing strategies for firms enjoying market power.

9. Tài chính công (Public finance)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện học: tiên quyết/học trước/song hành: ☐có ☑không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học phát triển sự hiểu biết về việc tại sao và như thế nào chính phủ có thể can thiệp vào trong nền kinh tế và nghiên cứu ả hưởng của những chương trình chi tiêu của chính phủ và hệ thống thuế đến phúc lợi xã hội và hành vi của người dân. Môn học bao gồm phân tích trên nền tảng lý thuyết nhằm hướng dẫn chính phủ can thiệp vào nền kinh tế; thảo luận hàng loạt vấn đề của tài chính công với sự tập trung vào những thảo luận về chính sách hiện nay; và trình bài của những phương pháp kinh nghiệm trong kinh tế học để đánh giá ả hưởng của những chính sách công.

This course develops an understanding of why and how the government may intervene in the economy and to study the effect of government expenditure programs and taxation systems on the welfare and behavior of citizens. This course will include an analysis of theoretical bases that guide government intervention in the economy; the discussion of a range of issues in public finance with a focus on current policy debates; and the presentation of empirical methods in economics to evaluate the effect of public policies.

10. Luật kinh tế (Economic law)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện học: tiên quyết/học trước/song hành: ☐có ☑không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Luật kinh tế cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp luật về những vấn đề có liên quan đến hoạt động kinh doanh bao gồm: pháp luật về chủ thể kinh doanh, về hợp đồng, về cơ chế giải quyết tranh chấp và về vấn đề phá sản của chủ thể kinh doanh. Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giải quyết các tình huống pháp luật trong thực tế. Học phần đề cập những nội dung chính bao gồm: Những khái niệm cơ bản của pháp luật về điều chỉnh các hoạt động kinh doanh, địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh, chế định hợp đồng, vấn đề phá sản và cơ chế giải quyết tranh chấp.

11. Kinh tế quốc tế (International economics)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện học: tiên quyết/học trước/song hành: ☐có ☑không

Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung môn Kinh tế học Quốc tế gồm phần trình bày kiến thức nền tảng, lý thuyết và mô hình về thương mại và giao dịch quốc tế, về sử dụng nguồn lực quốc gia để đạt các mục tiêu kinh tế, vấn đề chuyển dịch nguồn lực, và toàn cầu hóa. Nội dung lý thuyết kinh tế quốc tế giúp người học hiểu được các vấn đề rất quan trọng định hình nên môi trường kinh tế quốc gia cũng như quốc tế. Môn học cũng bao gồm phần nội dung có tính ứng dụng thực tế như phân tích lợi thế trong thương mại, chính sách bảo hộ thương mại, liên kết kinh tế giữa các quốc gia, hội nhập kinh tế và toàn cầu hóa.

Content of International Economics subjects consists of presentation of basic theories and models of international trade and transaction, use of national resources in order to meet the country's economic goals, resources transaction, and the globalization. The content of international economics generates an understanding of important events that

affect to the shape of national and international environment. The subject also includes applied parts such as comparative advantage analysis in trade, trade protection policies, economic connection among countries and regions, integration, and globalization.

12. Kinh tế phát triển (Development economics)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện học: tiên quyết/học trước/song hành: ☐có ☑không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Kinh tế phát triển nhằm mục tiêu giúp người học (1) trình bày được các kiến thức về tăng trưởng và phát triển kinh tế của các quốc gia: các chỉ tiêu đo lường tăng trưởng và phát triển kinh tế, nghèo đói và bất bình đẳng; vai trò của các nguồn lực (vốn, lao động, môi trường) và các lĩnh vực trọng tâm của nền kinh tế (nông nghiệp, công nghiệp và ngoại thương) trong phát triển kinh tế; (2) vận dụng được các kiến thức của môn học để phân tích những vấn đề phát triển cụ thể của một quốc gia.

The course of Development Economics aims to: (1) help learners present the knowledge of economic growth and development of countries: indicators of economic growth and development, poverty and inequality ; the role of resources (i.e capital, labor, environment) and key sectors of the economy (agriculture, industry and foreign trade) in economic development; (2) help learners apply the knowledge of the subject to analyze specific development problems of a country.

13. Kinh tế học phúc lợi (Welfare economics)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện học: tiên quyết/học trước/song hành: ☐có ☑không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này nghiên cứu các hoạt động phân bổ nguồn lực của nền kinh tế dưới góc độ bình đẳng và hiệu quả. Các vấn đề về hiệu quả trong trao đổi, cân bằng cạnh tranh và cơ chế giá, hiệu quả và công bằng sẽ được nghiên cứu trong môn học này.

This course studies the activities of resource allocation in the economy under the equality and efficiency levels. The issues of exchange efficiency, competitive balance and the price mechanism, efficiency and fairness will be studied in this course.

14. Kinh tế vĩ mô nâng cao (Advanced macroeconomics)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện học: tiên quyết/học trước/song hành: ☐có ☑không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học Kinh Tế vĩ mô nâng cao giúp người học tiếp tục phát triển kinh tế vĩ mô căn bản. Các mô hình kinh tế vĩ mô được xây dựng và phân tích dựa trên các lý thuyết vĩ mô qua các thời kỳ bằng sự tổng hợp từng bước các thị trường (hàng hóa và dịch vụ, tiền tệ, lao động và ngoại hối) như là mô hình IS-LM, MF, AS-AD, Solow, Tăng trưởng nội sinh. Dựa trên các mô hình được xây dựng, các chính sách tài khóa, tiền tệ và tỷ giá được áp dụng để phân tích tác động đến nền kinh tế của một quốc gia. Hơn nữa, vấn đề lạm phát, nợ công, thâm hụt ngân sách và thất nghiệp cũng được phân tích một cách hệ thống. Ngoài ra, lịch sử kinh tế vĩ mô của Việt Nam từ 1975 đến nay cũng được tổng hợp lại và kiểm chứng lại lý thuyết kinh tế vĩ mô. Từ đó, nhận định chính sách và dự báo kinh tế vĩ mô của Việt Nam trong thời gian tới.

This course helps students further develop their understanding of basic macroeconomics. The macroeconomics models are developed and analyzed based on macroeconomics theories over time) such as IS-LM, MF, AS-AD, Solow, Endogenous growth models by the synthesis of markets (commodities and services, money, labours and foreign exchange. Based on these models, the fiscal, monetary, exchange rate policies are applied to analyze the impact on the national economy. Furthermore, the problems of inflation, public debt, budget deficit and unemployment were also analyzed systematically. In addition, Vietnam history of macroeconomics from 1975 to now will be reviewed and employed to verify the theories of macroeconomics. Based on this, students are able to understand government policies and to forecast Vietnam macroeconomics.

15. Chính sách nông nghiệp (Agricultural policy)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện học: tiên quyết/học trước/song hành: ☐có ☑không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này sẽ đi sâu vào phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn dựa trên cơ sở thảo luận các vấn đề khó khăn trong phát triển nông nghiệp trong mối quan hệ phát triển tổng thể nền kinh tế, giải thích tiến trình hoạch định chính sách và mức độ can thiệp của chính phủ trong nông nghiệp thông qua việc phân tích các chương trình nông nghiệp khác nhau thường được áp dụng ở các nước phát triển và đang phát triển cũng như những

tác động tiềm tàng của các chương trình này và sự tham gia của các khu vực công và tư; qua đó, giải thích các bối cảnh chính sách cho việc đưa ra và thực hiện chương trình.

This course will delve into agricultural and rural policy analysis based on discussion of difficult issues in agricultural development in relation to the overall economic development, explaining the policy making process and the extent of government intervention in agriculture through an analysis of the different agricultural programs commonly used in developed and developing countries and their potential impacts and participation of the public and private sectors; thereby, explain the political framework for policy decisions and program implementation.

16. Kinh tế tài nguyên và môi trường (Environmental and natural resource economics)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện học: tiên quyết/học trước/song hành: ☐có ☑không

Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung môn học bao gồm những vấn đề về lý thuyết và ứng dụng các công cụ kinh tế đối với các vấn đề trong quản lý tài nguyên và môi trường như ô nhiễm nguồn nước, không khí, và đất; bảo tồn và sử dụng tài nguyên thiên nhiên; định giá giá trị phi thị trường của các sản phẩm, dịch vụ môi trường; lồng ghép giá trị môi trường trong các quyết định chính sách; và áp dụng công cụ kinh tế nhằm đạt được mức tối ưu đối với xã hội trong quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

The content of this course includes the theory and application of economic instruments for issues of managing natural resources and the environment such as pollution of water, air, and soil; conservation and use of natural resources; valuation of non-market value of the products, environmental services; integrating environmental values in policy decisions; and application of economic instruments to achieve optimal levels of society in the management of natural resources and the environment.

17. Phát triển nông thôn bền vững (Sustainable rural development)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện học: tiên quyết/học trước/song hành: ☐có ☑không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này sẽ áp dụng các khái niệm cơ bản về phát triển bền vững vào nghiên cứu phát triển nông thôn. Nó sẽ giúp cho học viên nhận thức đầy đủ các quan điểm đa

ngành/liên ngành về quá trình phát triển nông thôn, nhấn mạnh rằng phát triển nông thôn không chỉ phát triển về kinh tế mà còn là phát triển con người, nhu cầu cơ bản của họ cũng như đảm bảo môi trường sinh thái. Nói cách khác, phát triển nông thôn bền vững phải hướng tới sự tiến bộ về xã hội, sức khỏe, kinh tế và môi trường cho cộng đồng nông thôn.

This course will apply the fundamental concepts of sustainable development to rural development research. It will help learners to fully understand the multidisciplinary/ interdisciplinary perspectives on the rural development process, emphasizing that rural development is not only economic development but also human development, as well as ensuring ecological environment. In other words, sustainable rural development must aim at the social, health, economic and environmental advancement of rural communities.

18. Quản lý chuỗi cung ứng nông sản (Agricultural product supply chain management)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện học: tiên quyết/học trước/song hành: ☐có ☑không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học đề cập đến các khái niệm marketing, kênh phân phối, khoản chênh lệch marketing trong thị trường nông sản, và từ đó vận dụng vào khái niệm chuỗi cung ứng và các nội dung liên quan đến quản lý và phân tích chuỗi cung ứng nông sản. Các nội dung phân tích gồm: (1) xác định chuỗi cung ứng cần phân tích; (2) lập sơ đồ chuỗi cung ứng; (3) phân tích các quá trình của chuỗi cung ứng; và (4) rút ra kết luận. Lợi ích của việc phân tích chuỗi cung ứng cũng sẽ được trình bày.

The course is to begin with the concepts of: marketing, marketing channels, and marketing margin, and then to link with the concept of supply/value chains of agricultural products. The main analysis topics regarding the supply/value chains are: (1) to determine supply chain problems; (2) to establish the supply chain diagram; (3) to analyse the various interrelated processes of the supply chain; and (4) to finalise conclusions regarding the analysed issues. Moreover, benefits harvested from supply chain analysis will also be addressed.

10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

10.1 Danh sách các giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng, ngành đào tạo	Kinh nghiệm giảng dạy	Học phần sẽ giảng dạy
1	Lê Công Trứ	1967	Tiến sĩ, CNTT trong Kinh Doanh	33 năm	- Kinh tế lượng nâng cao - Kinh tế vĩ mô nâng cao - Kinh tế sản xuất nông nghiệp
2	Lê Quang Thông	1963	Tiến sĩ, Kinh tế nông nghiệp	37 năm	- Kinh tế vi mô nâng cao - Quản lý chuỗi cung ứng nông sản - Kinh tế học quản lý - Kinh tế quốc tế
3	Đặng Lê Hoa	1976	Tiến sĩ, Kinh tế nông nghiệp và tài nguyên	21 năm	- Kinh tế vi mô nâng cao - PPNCKH trong kinh tế và quản trị
4	Nguyễn Ngọc Thùy	1970	Tiến sĩ, Sinh thái	30 năm	- PPNCKH trong kinh tế và quản trị - Chính sách nông nghiệp - Dự án phát triển nông nghiệp - Tín dụng nông thôn
5	Trần Đình Lý	1965	Tiến sĩ, Kinh tế nông nghiệp	35 năm	- Tiếp thị địa phương - Quản lý chuỗi cung ứng nông sản
6	Đặng Thanh Hà	1961	PGS.TS Kinh tế nông nghiệp	41 năm	- Kinh tế sản xuất nông nghiệp - Kinh tế quản lý tài nguyên môi trường
7	Hoàng Hà Anh	1988	Tiến sĩ, Kinh tế và Quản lý nông nghiệp	12 năm	- Kinh tế sản xuất nông nghiệp - Kinh tế quản lý tài nguyên môi trường - Kinh tế học quản lý

10.2 Danh sách các giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng, ngành đào tạo	Kinh nghiệm giảng dạy	Học phần sẽ giảng dạy

1	Hồ Ngọc Phương	1953	Tiến sĩ, Kinh tế nông nghiệp	47 năm	- Quản lý nhà nước trong kinh tế
2	Nguyễn Tài	1957	Tiến sĩ, Khoa học Kinh tế	14 năm	- PPNCKH trong kinh tế và quản trị - Quản lý chuỗi cung ứng nông sản
3	Nguyễn Hữu Dũng	1960	PGS.TS, Nghiên cứu phát triển	39 năm	- Kinh tế quản lý tài nguyên môi trường
4	Nguyễn Lan Duyên	1980	Tiến sĩ, Kinh tế nông nghiệp	21 năm	- Dự án phát triển nông nghiệp
5	Đặng Minh Phương	1960	Tiến sĩ, Kinh tế nông nghiệp và tài nguyên	39 năm	- PPNCKH trong kinh tế và quản trị - Kinh tế vi mô nâng cao - Dự án phát triển nông nghiệp
6	Thái Anh Hòa	1956	Tiến sĩ, Kinh tế nông nghiệp	44 năm	- Phân tích giá cả và thị trường nông sản - Quản lý chuỗi cung ứng nông sản - Kinh tế học quản lý
7	Trần Đắc Dân	1954	Tiến sĩ, Địa lý học	46 năm	- Phát triển nông thôn bền vững - Dự án phát triển nông nghiệp
8	Nguyễn Bạch Đằng	1979	Tiến sĩ, Quản lý tài nguyên bền vững	21 năm	- Luật kinh tế
9	Phạm Thị Hồng Nhung	1982	Tiến sĩ, Quản lý tài nguyên bền vững	20 năm	- Kinh tế công - Kinh tế phát triển
10	Võ Hữu Phước	1974	Tiến sĩ, Kinh tế phát triển	23 năm	- Kinh tế phát triển

Ghi chú: *Kinh nghiệm giảng dạy: Nơi giảng dạy, thời gian, loại ngôn ngữ*

11. Danh sách Cố vấn học tập

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng, ngành đào tạo	Kinh nghiệm giảng dạy	Thông tin liên lạc (*email, sđt*)

12. Cơ sở vật chất

- Giáo trình, tài liệu bài giảng:

TT	Tên môn học	Tên giáo trình, tài liệu bài giảng	Tên tác giả	Nhà XB, năm XB/Website
1	Triết học (Philosophy)	- Giáo trình Triết học (Dùng cho khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ,	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023

		tiến sĩ các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ)		
		- Lịch sử tư tưởng triết học Ấn Độ cổ đại	Doãn Chính	NXB Chính trị quốc gia, 2018
		- Lịch sử triết học phương Đông	Doãn Chính	NXB Chính trị quốc gia, 2015
		- Lịch sử triết học Phương Tây	Nguyễn Tiến Dũng	NXB Khoa học xã hội, 2018
		- Tuyển tập triết học	Nguyễn Thế Nghĩa	NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2019
		- Lịch sử triết học	Nguyễn Hữu Vui	NXB Chính trị quốc gia, 2004
2	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong kinh tế và quản trị (Research methodology in economics and management)	- Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	Nguyễn Đình Thọ	NXB Lao động, 2011
		- Phương pháp nghiên cứu kinh tế và viết luận văn thạc sỹ & luận án tiến sĩ	Đinh Phi Hổ	NXB Tài chính, 2021
		- Research methodology in applied economics: organizing, planning, and conducting economic research	Don Ethridge	Blackwell publishing, 2010
		- Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	Saunders, M., Lewis, P., and Thornhill, A.	NXB Tài chính, 2008
3	Kinh tế vi mô nâng cao (Advanced microeconomics)	- Kinh Tế Học Vi Mô	Robert S. Pindyck và Daniel L. Rubinfeld	NXB Kinh tế, 2015
		- Nguyên Lý Kinh Tế Học	N.Gregory Mankiw	NXB Thống Kê, 2003
4	Khoa học quản lý (Management science)	- Giáo trình Khoa học quản lý	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 2002

		- Khoa học lãnh đạo – Những kỹ năng và công cụ	Nguyễn Đình Phong	Nhà xuất bản Lý luận chính trị, 2015
		- Tập bài giảng môn học Khoa học Lãnh đạo, Quản lý	Mai Chiếm Hiếu	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 2017
		- Nghệ thuật lãnh đạo	Nguyễn Hữu Lam	Nhà xuất bản Giáo dục, 1997
5	Phương pháp phân tích định lượng (Quantitative method in economics and management)	- Multivariate Data Analysis	Joseph F. Hair Jr. William C. Black, Barry J. Babin Rolph E. Anderson	Pearson, 2014
		- A Primer on Partial Least Squares Structural Equation Modeling (PLS-SEM)	Hair, J. F., Hult, G. T. M., Ringle, C. M., & Sarstedt, M.	Sage, 2017
6	Kinh tế công (Public economics)	- Intermediate Public Economics	Jean Hindriks và Gareth D. Myles	The MIT Press, 2013
		- Giáo trình Kinh tế công cộng	Bùi Đại Dũng và Ngô Minh Nam	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2018
		- Economics of Public Sector	Joseph Stiglitz và Jay K.	W. W. Norton & Company, 2015
		- Public finance and Public Policy	Rosengard Jonathan Gruber	Worth Publishers, 2016
7	Quản lý nhà nước trong kinh tế (Public management in economics)	- Financial Models for Government, A text for students and managers	Ian A McAuley	1994
		- Tài chính công		

			Harvey S. Rosen	Fulbright Economics Teaching Program, 2001
		- Tài chính công trong nền kinh tế mở	Jenkins & Shukla	Fulbright Economics Teaching Program, 2002
		- Tài chính cho các nước đang phát triển	Richard L. Kitchen	Fulbright Economics Teaching Program, 2001
8	Dự án đầu tư công (Public investment project)	- Cost-Benefit Analysis: Concepts and Practice	Antony E. Boardman	Pearson Education, 2011
		- Project Life Cycle Economics	Massimi Pica	Gower Publishing Company, 2015
		- International Project Analysis and Financing	Geral Pollio	The University of Michigan Press, 1999
		- Economic Analysis of Investment Opreations	Pedro Belli et. al.	Worldbank Publication, 1997
9	Tâm lý học quản lý (Managerial psychology)	- Giáo trình Tâm lý học quản lý	Nguyễn Hữu Thụ	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016
		- Tâm lý học quản lý trong quản trị kinh doanh	Nguyễn Đình Chinh, Phạm Uyển	NXB Giáo dục Hà Nội, 1998
		- Tâm lý học quản lý	Vũ Dũng & Nguyễn Thị Mai	NXB Khoa học xã hội Hà Nội, 2013
		- Những vấn đề cơ bản của khoa học tổ chức	Nguyễn Bá Dương	NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2004
		- Nghệ Thuật Lãnh Đạo		

			Nguyễn Hữu Lam	NXB Giáo Dục, 1997
10	Kinh tế học quản lý (Managerial economics)	- Managerial economics and business strategy	Baye, M.R., Prince, J. and Squalli, J.	McGraw-Hill, 2006
		- Managerial economics and organizational architecture	Brickley, J., Smith, C. and Zimmerman, J.	McGraw-Hill Education, 2015
		- Managerial economics: applications, strategies and tactics	McGuigan, J.R., Moyer, R.C. and Harris, F.H.D.	Cengage learning, 2013
11	Tài chính công (Public finance)	- Tài Chính Công và Chính Sách Công	Jonathan Gruber	2019
12	Luật kinh tế (Economic law)	- Giáo trình Luật Kinh tế	Phạm Duy Nghĩa	NXB CAND, 2015
		- Giáo trình pháp luật về chủ thể kinh doanh	Bùi Xuân Hải và Hà Thị Thanh Bình	NXB Hồng Đức, 2016
		- Giáo trình Pháp luật Kinh Tế	Nguyễn Hợp Toàn	NXB Đại Học Kinh Tế Quốc Dân, 2015
13	Kinh tế quốc tế (International economics)	- Giáo trình Kinh tế Quốc tế	Đỗ Đức Bình và N. T. Lang	Nhà Xuất Bản Thống kê, 2004
		- Giáo trình Kinh tế Quốc tế	Hoàng Thị Chỉnh & cộng sự	Nhà Xuất Bản Thống Kê, 2008
		- Giáo trình Kinh tế quốc tế	Phan Anh Tú & cộng sự	Nhà Xuất bản ĐH. Cần Thơ, 2015
		- International Economics	Krugman P. R. and Obstfeld M.	McGraw-Hill, 2000

14	Kinh tế phát triển (Development economics)	- Development Economics: theory and practice	Alain de Janvry & Elisabeth Sadoulet	Routledge, 2016
		- Development economics : theory, empirical research, and policy analysis	Julie Schaffner	John Wiley & Sons, 2014
		- Economic Development	Todaro.,M	2003
		- Kinh tế phát triển	Nguyễn Trọng Hoài	NXB Kinh tế TP.HCM, 2013
15	Kinh tế học phúc lợi (Welfare economics)	- General equilibrium and welfare economics: An introduction	James C. Moore	Springer Berlin, 2007
		- Welfare economics and social choice theory	Allan M. Feldman, Roberto Serrano	Springer, 2006
		- Economics of the public sector	Stiglitz, J.E.	W.W. Norton, 2000
16	Kinh tế vĩ mô nâng cao (Advanced macroeconomics)	- Macroeconomics	Krugman, P. and Wells, R.	Worth Publisher, 2015
		- Kinh Tế vĩ mô	Blanchard, O.	Fulbright, 2000
		- Macroeconomics	McTaggart. D, Findlay, C and Michael P	Pearson Education, 2007
		- Macroeconomics: A Contemporary Introduction	Crompton, P., Swann, M., Hopkins, S. and McEachern	Thompson Learning, 2004
17	Chính sách nông nghiệp (Agricultural policy)	- Agricultural Policies in Developing Countries	Ellis, F.	Cambridge University, 1992
		- Food policies		

		- High food prices: the what, who, and how of proposed policy actions	Tarrant, J. R. Von Braun, Joachim, et al.	John Wiley & Sons, 1980 International Food Policy Research Institute, 2008
18	Kinh tế tài nguyên và môi trường (Environmental and natural resource economics)	- Kinh Tế môi trường	Barry Field and Nancy Olewiler	EEPSEA, 2005
		- Evaluating Environmental Damage and Benefits	David W Pearce and Jeremy J. Warford	University Press, 1993
		- The Measurement of Environmental and Resource Values: Theory and Method Resources for the future	Freeman, A.M, Joseph A. Herriges and Catherine L. Kling	2014
		- Choice Modelling: the state-of-the-art and the state-of-practice	Hess, S; and Daly, A	Emerald Group Publishing, 2010
		- Giáo trình Kinh tế và quản lý môi trường	Nguyễn Thế Chinh	Trường Đại học kinh tế quốc dân, 2003
		- Environmental Economics: In Theory & Practice	Nick Hanley, Jason Shogren, and Ben White	Palgrave Macmillan, 2007
		- Economic Valuation with Stated Preference techniques	Ian J. Bateman et al.	Edward Elgar, 2002
19	Phát triển nông thôn bền vững (Sustainable rural development)	- Nghiên cứu hành động cùng tham gia trong giảm nghèo và phát triển nông thôn	Nguyễn Ngọc Hợi	NXB Khoa học Xã hội, 2003

		- Rural development in Vietnam	Pham Xuan Nam et al.	Social sciences publishing house, 1999
		- Công nghiệp hóa từ nông nghiệp: Lý luận, thực tiễn và triển vọng áp dụng ở VN	Đặng Kim Sơn	NXB Nông Nghiệp, 2001
		- Rural livelihoods and Diversity in Developing Countries	Ellis, Frank	Oxford University Press, 2000
20	Quản lý chuỗi cung ứng nông sản (Agricultural product supply chain management)	- Bài giảng môn Quản lý chuỗi cung ứng nông sản	Thái Anh Hòa	2021
		- Making value chains work better for the poor. A toolbook for practitioners of value chain analysis. Making markets work better for the poor (M4P). Agrifood Consulting International (bản tiếng Anh và dịch ra tiếng Việt)	M4P	2008
		- Supply Chain Management	S. Chopra và P. Meindl.	Pearson Education, 2004

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy, theo quy định và quy chế của trường Đại học Nông Lâm Tp. HCM.

HIỆU TRƯỞNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO SĐH	TRƯỞNG KHOA
PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn	PGS.TS. Lê Anh Đức	TS.Lê Công Trứ